

GIẢI CẤP XÃ HỘI DỰA THEO THU NHẬP Ở BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG, 1998-2018

Bùi Thế Cường⁽¹⁾, Trương Sĩ Ánh⁽²⁾

(1) Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; (2) Kantar Group

Ngày nhận bài 15/08/2020; Ngày gửi phản biện 20/08/2020; Chấp nhận đăng 30/1/2021

Liên hệ email: cuongbuithe1603@gmail.com; anh.truong@kantar.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2021.01.155>

Tóm tắt

Dựa trên số liệu khảo sát mức sống dân cư Tổng cục Thống kê, bài viết xem xét phân tầng xã hội ở Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 1998-2018 theo hai hướng. Một, đánh giá sự tiến hóa của tháp phân tầng xã hội theo thu nhập, tức biến đổi trong phân bố tỷ lệ của sáu giai cấp xã hội dựa theo thu nhập. Hướng thứ nhất chỉ ra xu hướng biến đổi tích cực, cơ cấu tháp phân tầng biến đổi theo hướng đáng mong muốn. Hai, đánh giá mức bất bình đẳng thu nhập giữa sáu giai cấp thông qua hệ số chênh lệch so sánh với giai cấp có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất. Hướng thứ hai chỉ ra xu hướng tiêu cực, mức chênh lệch thu nhập giữa các giai cấp là cao và có xu hướng tăng mạnh, nhất là ở giai cấp trên và giai cấp trung lưu trên.

Từ khóa: phân tầng xã hội, giai cấp xã hội dựa theo thu nhập, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, khảo sát mức sống dân cư

Abstract

INCOME-BASED SOCIAL CLASSES IN THE NORTH CENTRAL AND CENTRAL COASTAL AREAS OF VIET NAM, 1998-2018

Using the data sets conducted by the Vietnam National Statistical Office, the paper analyzes the social stratification in the North Central and Central Coastal Areas of Vietnam during the period 1998-2018 in two directions. Firstly, the evolution of social stratification pyramid is examined, and secondly, the inequality between income-based social classes is accounted. Accordingly, the figure of social stratification by income changed positively in the surveyed period. However, the income inequality was very high and remarkably increasing.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa khởi động ở miền Bắc sau 1954 và trên cả nước sau 1975, các nhà hoạch định chính sách luôn quan tâm đến mục tiêu thiết lập bình đẳng xã hội theo giai cấp, giới và tộc người. Trên thực tế, bình đẳng xã hội đã có

những kết quả rõ rệt. Với chính sách Đổi mới năm 1986 áp dụng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đã diễn ra những khác biệt kinh tế - xã hội ngày càng rõ nét giữa các nhóm xã hội, gây lo ngại trong giới hoạch định chính sách, học giả và công luận. Trong 35 năm qua kể từ sau Đổi mới, khác biệt xã hội giữa các giai cấp và tầng lớp xã hội luôn là chủ đề thời sự trong nghiên cứu xã hội và phân tích chính sách.

Trong bài viết “Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam, 1998-2018”, Bùi Thế Cường và Trương Sĩ Ánh (2020) đề xuất một khung phân loại sáu giai cấp xã hội theo thu nhập, dùng nó xử lý bộ số liệu VHLSS năm 1998, 2008 và 2018 của Tổng cục Thống kê, để mô tả động năng cơ cấu giai cấp xã hội ở Việt Nam thập niên 2000-2010. Trong bài viết này, chúng tôi tiếp tục mạch nghiên cứu trên, sử dụng khung phân loại đã đề xuất để xem xét cơ cấu giai cấp xã hội dựa trên thu nhập ở vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Đây là một sản phẩm của Đề tài “Cơ cấu giai tầng xã hội vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2010-2020” do Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam phê duyệt và tài trợ. Bài viết gồm bốn phần: Sau mở đầu; phần hai đề cập phương pháp, nguồn số liệu và bối cảnh vùng kinh tế-xã hội; phần ba trình bày kết quả phân tích; phần cuối tóm tắt kết quả chính.

2. Phương pháp, nguồn số liệu và bối cảnh vùng kinh tế-xã hội

Bài viết này nằm trong một nhóm các bài viết nhằm mục đích chung là phân tích các giai cấp xã hội dựa theo thu nhập với các bộ số liệu VHLSS của Tổng cục Thống kê trong giai đoạn 1998-2008 trên cả nước và ở các vùng kinh tế-xã hội khác nhau. Những vấn đề chính liên quan đến khái niệm và khung phân tích đã được đề cập trong bài “Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam, 1998-2018” (Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh, 2020). Trong bài viết, nhóm tác giả sử dụng thuật ngữ “giai cấp xã hội dựa theo thu nhập” như một khái niệm làm việc để phân tích thống kê. Đây là một khung phân tích phổ biến trên thế giới. Chẳng hạn, Tan Ern Ser (2004, 2015) đã tiến hành hai khảo sát phân tầng xã hội ở Singapore. Dựa trên phân loại 14 phạm trù thu nhập của Cục Thống kê Singapore, Tan (2015) đưa ra khung phân loại sáu giai cấp xã hội dựa trên tiêu chí thu nhập.

Ở Việt Nam, lỗi phân loại dựa trên mức sống (thu nhập hoặc chi tiêu) rất phổ biến từ thập niên 1980 đến nay trong các cơ quan thống kê chính thức, các tổ chức quốc tế đa phương như Ngân hàng Thế giới, và trong giới học thuật (Bùi Thế Cường, 2019; Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh, 2020). Đầu thập niên 1990, Ngân hàng Thế giới (1995) du nhập vào Việt Nam lỗi phân tích phân tầng xã hội theo thu nhập dựa trên việc phân chia các hộ gia đình thành năm nhóm ngũ vị phân theo thu nhập hay chi tiêu [quintile]. Gần đây, Ngân hàng Thế giới sử dụng khung phân loại bốn hoặc năm giai cấp dựa trên thu nhập. Khung bốn giai cấp theo thu nhập/chi tiêu được Ngân hàng Thế giới đề cập trong *Việt Nam 2035 Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng, và dân chủ* (Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam, 2016). Đó là: Trung lưu thế giới [global middle class]; người tiêu dùng mới nổi [emerging consumer]; người cận nghèo

[near poor]; và người nghèo thế giới [global poor]. Khung “năm giai cấp kinh tế” được Ngân hàng Thế giới sử dụng trong *Báo cáo phát triển Việt Nam 2019. Việt Nam – Kết nối vì phát triển và thịnh vượng chung* (2020). Đó là: Người nghèo cùng cực [extremely poor]; người nghèo vừa phải [moderately poor]; người dễ bị tổn thương kinh tế [economically vulnerable]; nhóm an toàn về kinh tế [economically secure]; và giai cấp trung lưu toàn cầu [global middle class].

Ly Chu phê phán tình trạng các nhà nghiên cứu ở Việt Nam chỉ tập trung vào lỗi nghiên cứu phân tầng xã hội dựa theo kinh tế, khuyến nghị nên dùng những cách tiếp cận cập nhật hơn, chẳng hạn lỗi phân tích giai cấp từ quan điểm văn hóa (Chu, 2018). Theo tôi, giới nghiên cứu ở Việt Nam rất nên cân nhắc nhận xét và khuyến nghị của Ly Chu. Tuy nhiên, trong khi một số nhà nghiên cứu ở Việt Nam có thể và cần quan tâm hơn tiếp cận văn hóa trong chủ đề phân tầng xã hội, thì không phải vì thế mà lỗi phân loại dựa trên mức sống không còn cần thiết và không còn ý nghĩa nữa. Khía cạnh kinh tế luôn là một chiều cạnh quan trọng góp phần nhận diện cơ cấu phân tầng xã hội. Mike Savage và cộng sự vẫn chú trọng phân tích vốn kinh tế của các giai cấp, ngay cả khi họ sử dụng tiếp cận văn hóa của Pierre Bourdieu (Savage và nnk., 2013, 2015a, 2015b; Savage, 2016). Ở Việt Nam, bên cạnh Ngân hàng Thế giới có Oxfam (2018) vẫn lấy kinh tế làm lát cắt phân tích chính để soi sáng chuyển dịch cơ cấu xã hội.

Phương pháp chính của bài viết là phân tích dữ liệu cấp hai [secondary analysis, phân tích lại những bộ dữ liệu đã có], dùng nguồn số liệu từ ba cuộc điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 1998, 2008, và 2018 của Tổng cục Thống kê.

Sử dụng kỹ thuật phân nhóm k-means, nhóm tác giả tạo nên một khung phân loại gồm sáu giai cấp xã hội (dựa trên thu nhập), đặt tên là: Giai cấp trên, giữa trên, giữa giữa, giữa dưới, dưới trên, và dưới dưới [upper, upper middle, middle middle, lower middle, upper lower, lower lower class]. Khi phân tích, sáu giai cấp xã hội cũng được gom thành ba tầng xã hội: tầng trên (gồm giai cấp trên và giữa trên), tầng giữa (gồm giai cấp giữa giữa và giữa dưới), và tầng dưới (gồm giai cấp dưới trên và dưới dưới). Đôi khi, chúng tôi cũng sử dụng thuật ngữ giai cấp trung lưu cho các giai cấp giữa (trung lưu trên, trung lưu giữa, và trung lưu dưới).

Bảng 1 thể hiện diện tích, dân số, và thu nhập bình quân đầu người tháng theo sáu vùng kinh tế-xã hội giai đoạn 2010-2018. Từ thu nhập bình quân đầu người, có thể thấy mức phát triển kinh tế của Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đứng thứ tư trong sáu vùng. Năm 2018, thu nhập bình quân tháng đầu người ở Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 3.015.000 VND, bằng 77,8% so với mức bình quân cả nước. Nói cách khác, chỉ số đó cho thấy Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là vùng nghèo của Việt Nam, chỉ đứng trên Tây Nguyên và Trung du miền núi phía Bắc. Nhìn theo thời gian, thu nhập bình quân tháng đầu người ở Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung năm 2018 tăng gần ba lần so với 2010, trong khi mức tăng chung cả nước là 2,8 lần. Hai chỉ số trên giúp ta hình dung mức độ và tốc độ phát triển kinh tế ở vùng khảo sát.

Bảng 1. Diện tích, dân số, và thu nhập theo sáu vùng kinh tế-xã hội, 2010-2018

TT	Vùng kinh tế-xã hội	Diện tích, km ²	Dân số, 1.000 người	Thu nhập bình quân tháng đầu người, 1.000VND				
				2010	2012	2014	2016	2018
1	Trung du miền núi phía Bắc	95.222,2	12.292,7	905	1.258	1.613	1.963	2.455
2	Đồng bằng sông Hồng	21.260,0	21.566,4	1.580	2.351	3.265	3.883	3.834
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	95.876,0	20.056,9	1.018	1.505	1.982	2.358	3.015
4	Tây Nguyên	54.508,3	5.871,0	1.088	1.643	2.008	2.366	2.896
5	Đông Nam Bộ	23.552,8	17.074,3	2.304	3.173	4.125	4.662	5.709
6	Đồng bằng sông Cửu Long	40.816,4	17.804,7	1.247	1.797	2.327	2.778	3.588
	Cả nước	331.235,7	94.666,0	1.387	2.000	2.637	3.098	3.876

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2018: 51-56, 410.

3. Kết quả phân tích

Phần này nhận diện cơ cấu giai cấp theo thu nhập ở Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung. Chúng tôi xem xét hai đặc điểm. Thứ nhất, sự thay đổi tỷ lệ định lượng các giai cấp và tầng xã hội tạo nên thay đổi của hình dạng phân tầng xã hội qua thời gian. Thứ hai, mức chênh lệch thu nhập giữa các giai cấp và tầng xã hội trong giai đoạn nghiên cứu. Trong phân tích, chúng tôi cũng so sánh thành thị với nông thôn và ở một số chỗ so sánh với các vùng kinh tế-xã hội khác.

Bảng 2 mô tả cơ cấu sáu giai cấp và ba tầng xã hội theo thu nhập ở vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung giai đoạn 1998-2018. Trong thập niên 2000, cơ cấu ba tầng xã hội theo thu nhập vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung vẫn ở dạng tháp, phần đáy gần 80% và giảm xuống còn 64% năm 2008. Nó đã tiến hóa sang dạng thoi trong thập niên 2010 với phần đáy không đầy 1/3 vào năm 2018.

Trong hai mươi năm, nhìn chung bốn giai cấp xã hội theo thu nhập ở phía trên tháp phân tầng đều tăng tỷ trọng, hai giai cấp ở phía dưới giảm tỷ trọng. Tiến bộ rõ rệt hơn cả ở giai cấp trung lưu dưới và giai cấp dưới dưới. Năm 1998, trung lưu dưới chiếm tỷ lệ 6,2%, hai mươi năm sau lên 41,3%, tăng 6,7 lần. Con số này ở giai cấp dưới dưới là 44,0% và 6,5%, giảm 6,8 lần. Đáng chú ý, giai cấp trên của vùng này tuy nhỏ nhưng giảm trong thời kỳ nghiên cứu (1,4% năm 1998 và 0,8% năm 2018), một hiện tượng giống vùng Đông Nam Bộ.

Cơ cấu giai cấp ở khu vực thành thị của vùng này vẫn ở dạng tháp năm 1998, phần thân gần 40% và phần đáy gần 60%. Đến 2008, cơ cấu này trở thành hình thoi với sự đảo ngược: Phần thân lên tới 66,0% và phần đáy chỉ còn gần 1/3. Đến 2018, dạng thoi trở thành đỉnh to đáy nhỏ: Phần thân đã chiếm gần 80%, phần đáy chỉ còn 9,0%, và đáng chú ý là phần đỉnh đạt tới 12,4%. Tuy nhiên, câu chuyện nông thôn hơi khác, mặc

dù cũng theo khuôn mẫu tiên bộ chung. Trong mười năm đầu, cơ cấu giai cấp ở nông thôn ở dạng thấp, có tiến hóa nhưng không thực sự đáng kể. Tỷ lệ tầng giữa chỉ tăng khoảng mười điểm phần trăm, đồng thời tỷ lệ tầng dưới giảm tương tự. Năm 2018 đạt được hình thoi, nhưng phần đáy vẫn còn chiếm gần 40%. Tiến bộ thấy rõ ở nông thôn chủ yếu ở trung lưu dưới và giai cấp dưới dưới. Sau 20 năm, tỷ lệ trung lưu dưới ở nông thôn tăng 7,6 lần và giai cấp dưới dưới giảm 5,7 lần.

Bảng 2. Tỷ lệ phần trăm sáu giai cấp và ba tầng xã hội theo thu nhập theo thành thị-nông thôn, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 1998-2018

TT	Phân tầng xã hội	Thành thị			Nông thôn			Chung		
		1998	2008	2018	1998	2008	2018	1998	2008	2018
A	Sáu giai cấp									
1	Trên	1,5	0,6	0,8	0,0	0,0	0,3	0,3	0,2	0,4
2	Giữa trên	0,8	2,4	11,6	0,2	0,4	2,5	0,3	0,8	4,8
3	Giữa giữa	29,8	45,8	37,8	10,6	10,8	16,7	14,0	18,5	22,1
4	Giữa dưới	9,4	20,2	40,7	5,5	15,4	41,6	6,2	16,4	41,3
5	Dưới trên	35,9	22,5	8,3	35,1	37,1	30,5	35,3	33,9	24,9
6	Dưới dưới	22,6	8,5	0,7	48,6	36,3	8,5	44,0	30,1	6,5
	Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
B	Ba tầng									
1	Trên (A1+2)	2,3	3,0	12,4	0,2	0,4	2,8	0,6	1,0	5,2
2	Giữa (A3+4)	39,2	66,0	78,5	16,1	26,2	58,3	20,2	34,9	63,4
3	Dưới (A5+6)	58,5	31,0	9,0	83,7	73,4	39,0	79,3	64,0	31,4
	Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
	N (hộ)	360	1.548	603	1.102	540	1.389	1.462	2.088	1.992

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý từ bộ số liệu gốc: Tổng cục Thống kê. Số liệu điều tra mức sống dân cư năm 1998, 2008, và 2018. Số liệu gia trọng.

Bảng 3 thể hiện thu nhập bình quân đầu người tháng của sáu giai cấp xã hội dựa trên thu nhập và hệ số chênh lệch giữa sáu giai cấp đó xét theo thành thị và nông thôn trong giai đoạn 1998-2018. Năm 1998, hệ số chênh lệch giữa giai cấp trên so với giai cấp dưới dưới là 31,0. Hệ số này là 29,9 năm 2008 và 39,1 năm 2018. Mức bất bình đẳng thu nhập vào cuối thập niên 1990 đã rất cao, không thay đổi trong thập niên 2000, và đạt mức tăng mới trong thập niên 2010. Vào năm 2018, nhìn chung mỗi giai cấp bậc trên có hệ số chênh lệch thu nhập gấp đôi so với giai cấp bậc dưới mình, nhưng mức thu nhập bình quân của giai cấp trên gấp 2,8 lần so với giai cấp giữa trên ngay dưới nó.

So sánh thành thị và nông thôn, điều không ngạc nhiên là thu nhập bình quân đầu người tháng nói chung cũng như giữa các giai cấp cùng bậc ở thành thị thường cao hơn ở nông thôn và duy trì mức chênh lệch suốt thời gian được khảo sát, tuy có giảm đôi

chút vào cuối thập niên 2010. Năm 1998 và 2008, thu nhập bình quân đầu người tháng ở thành thị cao gấp 1,9 lần ở nông thôn. Con số này là 1,7 lần năm 2018.

Bảng 3. Thu nhập trung bình và hệ số chênh lệch của sáu giai cấp xã hội dựa trên thu nhập theo thành thị-nông thôn, Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, 1998-2018

TT	Giai cấp xã hội	Thành thị		Nông thôn		Chung	
		Thu nhập trung bình	Hệ số chênh lệch	Thu nhập trung bình	Hệ số chênh lệch	Thu nhập trung bình	Hệ số chênh lệch
A	VLSS 1998						
1	Trên	2970	28.1	-	-	2970	31.0
2	Giữa trên	1337	12.6	1426	15.1	1385	14.5
3	Giữa giữa	564	5.3	471	5.0	505	5.3
4	Giữa dưới	307	2.9	308	3.2	307	3.2
5	Dưới trên	211	2.0	206	2.2	207	2.2
6	Dưới dưới	106	1,0	95	1,0	96	1,0
	Chung	352		188		217	
	Mẫu (Hộ)	360		1102		1462	
B	VHLSS 2008						
1	Trên	8005	27.5	13532	44.4	9090	29.9
2	Giữa trên	3734	12.8	4318	14.2	3954	13.0
3	Giữa giữa	1670	5.7	1503	4.9	1594	5.3
4	Giữa dưới	922	3.2	906	3.0	911	3.0
5	Dưới trên	562	1.9	583	1.9	580	1.9
6	Dưới dưới	292	1,0	305	1,0	304	1,0
	Chung	1240		652		782	
	Mẫu (Hộ)	540		1548		2088	
C	VHLSS 2018						
1	Trên	27411	36.9	22127	35.0	24826	39.1
2	Giữa trên	8641	11.6	8939	14.1	8756	13.8
3	Giữa giữa	4840	6.5	4576	7.2	4691	7.4
4	Giữa dưới	2772	3.7	2647	4.2	2678	4.2
5	Dưới trên	1455	2.0	1367	2.2	1375	2.2
6	Dưới dưới	742	1,0	632	1,0	635	1,0
	Chung	4309		2616		3047	
	Mẫu (Hộ)	603		1,389		1,992	

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý từ bộ số liệu gốc: Tổng cục Thống kê. Số liệu điều tra mức sống dân cư năm 1998, 2008, và 2018. Chú thích: Thu nhập trung bình: bình quân đầu người/ tháng (1.000 VND). Hệ số chênh lệch: So với nhóm thấp nhất =1. Gia trọng số liệu.

Nhưng điều có thể gây ngạc nhiên là mức bất bình đẳng ở nông thôn nhìn chung cao hơn ở thành thị. Năm 1998, hệ số chênh lệch thu nhập của trung lưu trên (giai cấp giữa trên) so với giai cấp dưới dưới ở thành thị là 12,6 còn ở nông thôn là 15,1 (Thời điểm này không có số liệu của giai cấp trên ở nông thôn). Năm 2008, hệ số chênh lệch giữa giai cấp trên và giai cấp dưới dưới ở thành thị là 27,5 nhưng ở nông thôn rất cao: 44,4. Năm 2018, hai con số này là 36,9 và 35,0. Nhìn vào 2018, hệ số chênh lệch của

mọi giai cấp khác ở nông thôn so với giai cấp dưới dưới đều cao hơn một chút so với ở thành thị. Số liệu chỉ ra thực tế khác với cảm nhận thông thường cho rằng mức bất bình đẳng thu nhập ở thành thị cao hơn ở nông thôn.

4. Kết luận

Bài viết xem xét phân tầng xã hội ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung theo hai hướng. Một, đánh giá sự tiến hóa của tháp phân tầng xã hội, tức biến đổi trong phân bố tỷ lệ của sáu giai cấp xã hội dựa theo thu nhập. Hai, đánh giá mức bất bình đẳng thu nhập giữa sáu giai cấp thông qua hệ số chênh lệch so sánh với giai cấp có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất. Hướng thứ nhất chỉ ra xu hướng biến đổi tích cực, cơ cấu tháp phân tầng biến đổi theo hướng đáng mong muốn. Nhưng hướng thứ hai chỉ ra xu hướng tiêu cực, mức chênh lệch thu nhập giữa các giai cấp là cao và có xu hướng tăng mạnh, nhất là ở giai cấp trên và giai cấp trung lưu trên.

Trong thập niên 2000, cơ cấu ba tầng xã hội theo thu nhập vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung ở dạng tháp, nhưng đã thay đổi rõ rệt. Năm 1998, phần đáy gần 80%, song năm 2008 giảm còn 64%. Nó đã tiến hóa sang dạng thoi trong thập niên 2010 với phần đáy không đầy 1/3 vào năm 2018. Trong hai mươi năm, bốn giai cấp xã hội theo thu nhập ở phía trên tháp phân tầng tăng tỷ trọng, hai giai cấp ở phía dưới giảm tỷ trọng. Tiến bộ rõ rệt hơn cả là ở trung lưu dưới và giai cấp dưới dưới. Trong giai đoạn 1998-2018, tỷ lệ giai cấp trung lưu dưới tăng 6,7 lần, tỷ lệ giai cấp dưới dưới giảm 6,8 lần. Tiến hóa của tháp phân tầng xã hội ở nông thôn chậm hơn ở thành thị khoảng mười năm. Trong thập niên 2000 nó còn ở dạng tháp, đến 2018 đạt được hình thoi, nhưng phần đáy vẫn còn lớn, gần 40%. Tiến bộ thấy rõ ở nông thôn chủ yếu ở trung lưu dưới và giai cấp dưới dưới. Sau 20 năm, tỷ lệ trung lưu dưới ở nông thôn tăng 7,6 lần và giai cấp dưới dưới giảm 5,7 lần.

Mức bất bình đẳng thu nhập ở vùng này cuối thập niên 1990 đã rất cao (31 lần giữa giai cấp cao nhất và thấp nhất), mức này không thay đổi trong thập niên 2000, và đạt mức cao mới cuối thập niên 2010 (39 lần). Năm 2018, nhìn chung thu nhập bình quân của một giai cấp có hệ số gấp đôi so với giai cấp bậc dưới mình, nhưng mức thu nhập bình quân của giai cấp trên gấp 2,8 lần so với giai cấp giữa trên ngay dưới nó. Nhìn chung, thu nhập bình quân của các giai cấp xã hội ở thành thị cao hơn ở nông thôn. Nhưng hệ số chênh lệch thu nhập giữa các giai cấp ở nông thôn lại có xu hướng cao hơn ở thành thị.

Kết quả phân tích ở bài này trùng với kết quả nghiên cứu ở một số công trình chúng tôi mới công bố (Bùi Thế Cường, 2020; Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh, 2020), gợi ý trong thời gian tới cần một cam kết chính sách mạnh hơn để kiểm soát mức bất bình đẳng giữa các giai cấp xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thế Cường (2019). Nghiên cứu cơ cấu giai tầng xã hội Việt Nam thập niên 1980. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, 12(256), 26-36. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
- [2] Bùi Thế Cường (2020). Giai cấp trung lưu và công nhân lao động Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam thập niên 2000. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, 8(264), 24-41. Thành phố Hồ Chí Minh: Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
- [3] Bùi Thế Cường & Trương Sĩ Ánh (2020). Giai tầng xã hội dựa trên thu nhập ở Việt Nam, 1998-2018. *Tạp chí Xã hội học*, 2(150), 20-30. Viện Xã hội học Hà Nội.
- [4] Chu, Ly (2018). The Quest for Research on Social Class in Contemporary Vietnam: Overview of Current Approaches and Suggestions for Considering Pierre Bourdieu's Theoretical Framework. *Journal of Vietnamese Studies*, 13(1), 42-79, Winter.
- [5] Ngân hàng Thế giới (1995). *Việt Nam: Đánh giá sự nghèo đói và chiến lược*. Ngân hàng thế giới, Hà Nội.
- [6] Ngân hàng Thế giới (2020). *Báo cáo phát triển Việt Nam 2019. Việt Nam – Kết nối vì phát triển và thịnh vượng chung*. Ngân hàng thế giới, Hà Nội.
- [7] Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và đầu tư Việt Nam (2016). *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng, và dân chủ*. Ngân hàng Thế giới, Washington DC.
- [8] Oxfam (2018). *Dịch chuyển xã hội và bình đẳng cơ hội tại Việt Nam: Xu hướng và các yếu tố tác động*. Nxb. Hồng Đức.
- [9] Savage, Mike (2016). The fall and rise of class analysis in British sociology, 1950-2016. *Tempo social, revista de sociologia da USP*, 28(2), 57-72.
- [10] Savage, Mike, Fiona Devine, Niall Cunningham, Mark Taylor, Yaojun Li, Johs Hjellbrekke, Brigitte Le Roux, Sam Friedman, & Andrew Miles (2013). A New Model of Class Analysis? Findings from the BBC's Great British Class Survey Experiment. *Sociology*, 47(2), 219-250. SAGE.
- [11] Savage, Mike, Fiona Devine, Niall Cunningham, Sam Friedman, Daniel Laurison, Andrew Miles, Helene Snee, & Mark Taylor (2015a). On Social Class, Ano 2014. *Sociology*, 49(6), 1011-1030. SAGE.
- [12] Savage, Mike, Niall Cunningham, Fiona Devine, Sam Friedman, Daniel Laurison, Lisa McKenzie, Andrew Miles, Helene Snee, & Paul Wakeling (2015b). *Social Class in the 21st Century: A Pelican Introduction*. Pelican an imprint of Penguin Books.
- [13] Tan, Ern Ser (2004). *Does Class Matter? Social Stratification and Orientations in Singapore*. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd.
- [14] Tan, Ern Ser (July, 2015). *Class and Social Orientations: Key Findings from the Social Stratification Survey 2011*. IPS Exchange, Number 4, National University of Singapore.